TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2023
V/v Ly hôn giữa chị Hà và anh N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Quách Thị Anh Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: ông Lê Tiến Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 28-4-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 17-02-2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-4-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thái H, sinh năm 1992.
ĐKHKTT: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.
Tạm trú: Tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1983.
Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.
(chị H, anh N đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thái H trình bày: Chị kết hôn với anh N là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T vào ngày 04/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 11/ 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà L, sinh ngày 30/12/2011. Khi ly hôn chị tôn trọng quan điểm của cháu L, nếu cháu L xin ở với chị, chị xin được nuôi con hoàn toàn, nếu cháu L xin ở với

anh N thì chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về chia tài sản chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà L, sinh ngày 30/12/2011, hiện nay cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về chia tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Trần Hà L: Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố là Trần Văn N.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị H và anh N. Về nuôi con chung: Giao cho anh N trực tiếp nuôi con Trần Hà L, sinh ngày 30/12/2011, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về chia tài sản chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh N, trú tại thôn L, xã T, huyện H; Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án; chị H có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H, anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/3/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Chị H, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H, anh N ly hôn. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh N có 01 con chung là Trần Hà L, sinh ngày 30/12/2011. Khi ly hôn anh N xin được trực tiếp nuôi con, anh N không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con, chị H đồng ý, hơn nữa nguyện vọng của cháu L xin được ở với anh N. HĐXX xét thấy đây là sự thỏa thuận của chị H, anh N phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Lê Thái H và anh Trần Văn N.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao cho anh N trực tiếp nuôi con Trần Hà L, sinh ngày 30/12/2011, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản chung***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004033 ngày 17-2-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn